

## THỰC TRẠNG NGHÈO ĐA CHIỀU CỦA DÂN TỘC GIA-RAI Ở XÃ IA GLAI, HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI HIỆN NAY

**ThS. Nông Bằng Nguyên**  
**Viện Dân tộc học**  
**ThS. Hoàng Thanh Hương**  
**Ban Tuyên giáo tỉnh Gia Lai**

**Tóm tắt:** Nghèo đa chiều đã được nghiên cứu hơn 15 năm qua và các tiêu chí đã được cập nhật trong chính sách giảm nghèo bền vững của Đảng và Nhà nước ta, với mục tiêu đến năm 2020 sẽ xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực cho tất cả mọi người. Song, tính đa dạng vùng và tộc người ở nước ta có những tác động không nhỏ đến việc thực thi chính sách này, vì thực tế cho thấy nghèo đói ngày càng tập trung nhiều ở những vùng nông thôn, miền núi và các dân tộc thiểu số. Bài viết góp phần nhận diện thực trạng nghèo đa chiều tại một cộng đồng dân tộc Gia-rai ở Tây Nguyên, qua đó cho thấy các tiêu chí mà nghèo đa chiều áp dụng không dễ dàng thực hiện và các chỉ số thống kê không phản ánh hết những vấn đề đang đặt ra.

**Từ khóa:** Nghèo đa chiều, chính sách dân tộc, dân tộc Gia-rai, Gia Lai.

Ngày nhận bài: 2/2/2019; ngày gửi phản biện: 25/2/2019; ngày duyệt đăng: 3/4/2019

### Mở đầu

Qua hơn 30 năm thực hiện công cuộc Đổi mới từ 1986 đến nay, chất lượng cuộc sống của người dân tại các vùng miền và cộng đồng dân tộc thiểu số nước ta đã có những thay đổi đáng ghi nhận. Song, sự phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua cũng đã tạo ra tình trạng phân hóa giàu nghèo trong các cộng đồng dân tộc thiểu số. Tài liệu nghiên cứu về dân tộc Gia-rai cho thấy, quan niệm về giàu nghèo của người dân trước kia không giống với quan điểm nghèo hiện nay, nhất là nghèo đa chiều. Đây cũng là đặc điểm khi nghiên cứu về vấn đề nghèo trong những năm gần đây mà các nhà dân tộc học chỉ ra ở những tộc người thiểu số tại chỗ Tây Nguyên (Bùi Minh Đạo chủ biên, 2005).

Nghiên cứu về phân tầng thu nhập và nghèo tại Việt Nam bắt đầu từ năm 1990 trở lại đây. Ở thời điểm đó, chỉ số nghèo đói dựa trên một số tiêu chí, nhưng chủ yếu dựa vào việc thu nhập và tiêu thụ số lượng lương thực qui thóc để đánh giá (mức thu nhập, chi tiêu và lượng lương thực sử dụng hàng ngày). Từ cuối năm 2015 trở lại đây, phương pháp đánh giá

nghèo đa chiều sử dụng cách thức đo lường được dựa trên thu nhập với 10 tiêu chí của 5 chiều cạnh (giáo dục, y tế, nhà ở, điều kiện sống và tiếp cận thông tin).

Vấn đề đặt ra là tại sao cho đến nay, hoạt động sinh kế của dân tộc Gia-rai ở xã Ia Glai đã thay đổi và phát triển rất nhiều so với trước năm 1986, nhưng tỷ lệ nghèo vẫn còn cao và khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm xã hội ngày càng lớn. Hơn nữa, việc sử dụng các tiêu chí đo lường trong cộng đồng tộc người vốn dựa trên lối sống phi thống kê để đánh giá chuẩn nghèo đa chiều như tộc người Gia-rai có đạt hiệu quả như mong muốn? Qua nghiên cứu trường hợp người Gia-rai ở xã Ia Glai, bài viết chỉ tập trung làm rõ những bất cập trong thực hiện chính sách cũng như nguyên nhân tác động đến tình trạng nghèo đa chiều hiện nay của dân tộc này tại địa phương.

### 1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Huyện Chư Sê nằm ở phía nam của tỉnh Gia Lai với diện tích tự nhiên là 64.296,27ha, gồm 1 thị trấn và 14 xã trực thuộc. Đến năm 2018, dân số toàn huyện là 127.269 người, trong đó 3 dân tộc có dân số đông nhất gồm Kinh, Gia-rai và Ba-na. Những năm gần đây, huyện Chư Sê nổi tiếng về sản xuất hồ tiêu, cao su, cà phê,... Báo cáo của Hiệp hội Hồ tiêu Chư Sê cho thấy, huyện có diện tích trồng hồ tiêu trên 4.000ha, cho sản lượng khoảng 20.000 tấn/năm, chiếm 20% sản lượng hồ tiêu cả nước.

Ia Glai là xã thuộc huyện Chư Sê, từ nhiều năm qua đã chú trọng phát triển các sản phẩm cây công nghiệp như hồ tiêu, cao su,... Diện tích của xã là 3.820,1ha, trong đó khoảng 90% là đất nông nghiệp. Dân số tại xã năm 2018 có 6.559 người, trong đó người Kinh chiếm 54%, người Gia-rai chiếm 46%. Hiện nay, xã Ia Glai có 10 thôn/làng, gồm 5 làng chủ yếu là người Gia-rai và 5 thôn chủ yếu là người Kinh.

Sau năm 1986, cơ cấu kinh tế của xã Ia Glai đã có những chuyển biến mạnh mẽ. Từ việc chỉ trồng các loại cây lương thực (lúa, ngô, khoai, sắn...) và cây công nghiệp ngắn ngày (lạc, mía...), nhưng sau 30 năm phần lớn diện tích đất trồng đã dành cho cây công nghiệp dài ngày (cà phê, hồ tiêu...) với hơn 1.000ha, trong khi diện tích lúa cả năm chỉ còn 125ha (Chi cục Thống kê huyện Chư Sê, 1982 - 2018). Như vậy, chỉ sau 30 năm, cơ cấu sử dụng đất đai tại xã Ia Glai đã thay đổi rất mạnh mẽ, từ chủ yếu trồng các loại cây lương thực đã chuyển sang cây công nghiệp, từ loại cây nông nghiệp có giá trị thấp sang những cây công nghiệp có giá trị cao về thu nhập. Việc thay đổi cơ cấu cây trồng và cách sử dụng đất đai đã tạo nên sự chuyển biến sâu sắc về kinh tế truyền thống của dân tộc Gia-rai ở xã Ia Glai. Quy mô rẫy, vườn truyền thống ngày càng thu hẹp, thay thế vào đó là các trang trại, vườn cây công nghiệp với lối canh tác áp dụng các kỹ thuật mới. Trong trồng trọt, các cây cà phê, cao su, điều và tiêu đã trở thành cây trồng chính. Người dân Gia-rai ngày càng thích ứng với thị trường thông qua việc chuyển đổi những loại cây trồng có giá trị thị trường thấp (như cây bông) sang trồng các loại cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày.

Sự thay đổi trong hoạt động sinh kế còn thể hiện ở một bộ phận người Gia-rai ở xã Ia Glai trở thành công nhân hợp đồng lao động ngắn hạn và dài hạn ở các công ty trong khu vực. Điều này cho thấy, xu hướng trong cộng đồng người Gia-rai đang có một lực lượng lao động là nông dân tách dần khỏi các hoạt động kinh tế truyền thống, trở thành công nhân tham gia vào các doanh nghiệp theo cơ chế của nền kinh tế thị trường.

## **2. Thực trạng nghèo đa chiều của người Gia-rai ở xã Ia Glai**

### **2.1. Bối cảnh nghèo đa chiều ở tỉnh Gia Lai hiện nay**

Năm 2018, toàn tỉnh Gia Lai có 36.533 hộ nghèo là người dân tộc thiểu số, chiếm 88,85% trên tổng số hộ nghèo của tỉnh. Thu nhập bình quân đầu người tại khu vực nông thôn là 26 triệu đồng/người/năm. Mức thu nhập này cao hơn so với mức chuẩn của cả nước, nhưng vẫn rất thấp so với các khu vực đô thị ở tỉnh Gia Lai là 31 triệu đồng/người/năm (Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Gia Lai, 2018).

Ngoài tiêu chí thu nhập, các tiêu chí khác trên toàn tỉnh thể hiện như sau:

*Về y tế:* Cho đến nay việc vận động người dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế còn gặp nhiều khó khăn, một bộ phận người dân chưa tự giác đăng ký tham gia bảo hiểm y tế. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em vẫn còn ở mức khá cao (năm 2017 có 127/184 xã đạt tiêu chí về y tế).

*Về giáo dục:* Năm 2017, các tiêu chí về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và xóa mù chữ vẫn còn chưa đạt so với mục tiêu đề ra (chỉ có 120/184 xã đạt các tiêu chí).

*Về nước sạch và vệ sinh:* Năm 2017, cả tỉnh có 91,25% hộ dân sinh sống tại khu vực nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh. Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn có nhà vệ sinh chiếm 68,5% nhưng số nhà vệ sinh đạt chuẩn chỉ chiếm 48%. Tỷ lệ trạm y tế xã có công trình cấp nước và nhà vệ sinh đạt chuẩn chiếm 99%. Trong khi tại các trường học, nhà vệ sinh đạt chuẩn và điểm cung cấp nước sạch cho trường chỉ đạt 84%.

*Về tiếp cận thông tin:* Năm 2017, cả tỉnh có 131/184 xã đạt tiêu chí, chiếm 71% các xã có đài phát thanh và hệ thống loa đến các thôn/làng. Số lượng cán bộ công chức, viên chức sử dụng máy vi tính trong công việc thấp hơn 2/3 so với yêu cầu đề ra.

Như vậy, đến năm 2017, ngoài tiêu chí nhà ở chưa có thông tin, thì các tiêu chí nghèo đa chiều ở khu vực nông thôn, nơi đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống đã có trong Báo cáo của UBND tỉnh Gia Lai. Trong cuộc khảo sát khác về vấn đề giảm nghèo do Ban Tuyên giáo tỉnh Gia Lai thực hiện trên quy mô toàn tỉnh năm 2017 có thể giúp bổ sung thêm những thông tin mới, nhất là đã chỉ ra gần 53% số hộ đang ở những căn nhà tạm bợ. Đặc biệt, cuộc khảo sát đó còn cho biết nguyên nhân lớn nhất dẫn đến nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay là do thiếu vốn làm ăn (chiếm 75,4%). Tiếp đến lần lượt là các nguyên nhân: thiếu đất sản xuất (chiếm 68,1%); giá cả hàng hóa và nông sản thấp lại không ổn định (chiếm 66,6%); thiếu kiến

thức khoa học và kỹ thuật chăm sóc cây trồng, vật nuôi (chiếm 63,2%); không biết tiết kiệm trong chi tiêu cho sinh hoạt gia đình (56,6%); tập quán sản xuất, canh tác lạc hậu và thiếu việc làm ổn định (55,2%); lười lao động, trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng (53,9%); đông con (52,4%). Ngoài ra còn có một số nguyên nhân khác như: cây trồng, vật nuôi thường xuyên bị sâu hại, dịch bệnh dẫn đến năng suất và thu nhập thấp (46,0%); già cả, neo đơn (39,7%); ốm đau, bệnh tật (39,6%); thường xuyên bán nông sản trước khi thu hoạch, tức cắt giá non (38,1%); tảo hôn, hôn nhân cận huyết, bỏ mả,... (32,6%); chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cho thuê đất sản xuất trái pháp luật (26,8%);... (Ban Tuyên giáo tỉnh Gia Lai, 2018).

Báo cáo của Ban Tuyên giáo tỉnh Gia Lai còn cho biết về vai trò các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong vấn đề giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số. Theo đó, có 83,6% ý kiến đánh giá là đường sá đi lại thuận tiện hơn, tiếp đến là trường học khang trang hơn (70,7%); thu nhập của hộ gia đình khá hơn (69,1%); có nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng (66,1%); an ninh, trật tự được đảm bảo (64,3%); chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe tốt hơn (63,7%); nhà cửa khang trang hơn (60,3%); cuộc sống no đủ hơn (58,9%);...

## **2.2. Thực trạng nghèo đa chiều ở xã Ia Glai**

Năm 2018, xã Ia Glai có 1.367 hộ với 6.559 nhân khẩu. Trong đó, số hộ người dân tộc thiểu số chiếm khoảng 46%. Theo báo cáo của UBND xã Ia Glai, toàn xã hiện có 149 hộ nghèo và cận nghèo, trong đó 80% hộ nghèo là dân tộc thiểu số (UBND xã Ia Glai, 2018).

Cũng theo báo cáo của UBND xã Ia Glai, thu nhập bình quân toàn xã là 44,1 triệu đồng/người/năm 2018. Mức thu nhập này cao hơn so với ngưỡng thu nhập toàn tỉnh và tương đương mức chuẩn của người nghèo khu vực đô thị ở tỉnh Gia Lai (31 triệu đồng/người/năm) (UBND xã Ia Glai, 2018).

Tuy nhiên, về phương diện thu nhập (một trong các chỉ số của nghèo đa chiều), số liệu bình quân thống kê của xã Ia Glai ở trên chưa phản ánh được cụ thể về hiện trạng thu nhập và vấn đề nghèo ở cộng đồng dân tộc thiểu số nơi đây. Vì vậy, tư liệu khảo sát dân tộc học sẽ bổ khuyết cho thực tế này. Theo đó, số liệu chúng tôi thu thập tại các hộ gia đình thuộc làng Pang, xã Ia Glai về vấn đề thu nhập đã chỉ ra, có sự chênh lệch rất cao giữa nhóm thu nhập thấp nhất và nhóm thu nhập cao nhất. Tại nhóm có mức thu nhập thấp nhất, trung bình trong 1 năm, 1 nhân khẩu chỉ thu được khoảng hơn 2 triệu đồng. Trong khi nhóm có mức thu nhập cao nhất, trung bình 1 nhân khẩu thu được hơn 25 triệu đồng/năm. Như vậy, khoảng cách giữa hai nhóm cho thấy tính bất bình đẳng trong thu nhập tại làng Pang, xã Ia Glai, bởi vì mức chênh lệch thu nhập giữa 2 nhóm là khoảng 12,5 lần. Những hộ có thu nhập cao thường là các gia đình trẻ, chủ hộ có học vấn từ trung học cơ sở trở lên, gia đình ít người (khoảng 4 - 5 nhân khẩu), nhiều đất đai, có nhiều loại cây công nghiệp (cà phê, hồ tiêu),... Trong khi những hộ có nguồn thu thấp nhất cho biết, 3 năm trở lại đây thu nhập kém nhất bởi sản lượng lúa giảm ½ so với những năm trước, cà phê và hồ tiêu thu hoạch không đáng kể do hạn hán, dịch bệnh cây trồng ngày càng tăng.

Trước tình trạng thu và chi bất cân đối, một số lượng lớn hộ dân nghèo phải vay nợ ngân hàng hoặc vay của chủ nợ bên ngoài với lãi suất cao. Qua kết quả khảo sát về mức độ tiết kiệm trong năm qua của đồng bào cũng chỉ ra rằng, có đến hơn 90% người dân tự nhận là không tiết kiệm được tiền trong 1 - 2 năm gần đây. Mặc dù các báo cáo của xã Ia Glai đều cho biết là xã có rất ít hộ nghèo, nhưng khi tìm hiểu về thực trạng nghèo tại các hộ gia đình dân tộc thiểu số nói chung và người Gia-rai nói riêng ở xã này lại cho thực tế không hẳn như vậy, bởi vì bên cạnh tiêu chí về thu nhập, các tiêu chí y tế, giáo dục và nhà ở cho thấy bức tranh nghèo đa chiều ở dân tộc Gia-rai xã Ia Glai rất khó đo lường. Mặc dù số liệu báo cáo của UBND xã cho biết về y tế, tỷ lệ người tham gia các hình thức bảo hiểm đạt trên 70% (toàn xã có tất cả 3.684 người tham gia bảo hiểm). Song, do đây là xã nghèo nên hầu hết người dân được Nhà nước cấp sổ khám chữa bệnh miễn phí chứ không phải là đồng bào tự mua. Cụ thể hơn là phải đo đếm số lượt người được khám chữa bệnh và tình trạng phòng bệnh cũng như cách thức chữa bệnh tại các cộng đồng người Gia-rai như thế nào? Kể cả chăm sóc sức khỏe ban đầu, tiêm phòng vắc xin cho trẻ em, thay đổi trong tập quán chữa bệnh, sinh đẻ..., vì đây mới là những chỉ số thực chất phản ánh thực trạng tiếp cận dịch vụ y tế của hộ nghèo.

Khảo sát tại làng Pang và đánh giá việc tham gia bảo hiểm y tế nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của nhóm cư dân Gia-rai cho biết, người dân có nhận thức về sức khỏe nhưng vấn đề bảo hiểm y tế cho toàn dân, nhất là đối với trẻ em dân tộc thiểu số được hưởng lợi từ bảo hiểm thì đa phần họ chưa nắm vững. Cụ thể, trong xã có 23,6% người Gia-rai tham gia bảo hiểm y tế, còn lại 76,4% người không biết hoặc không có bảo hiểm y tế. Trong khi đó, số người Kinh tại làng này có bảo hiểm y tế nhiều hơn nhóm người Gia-rai. Qua đây cho thấy, dù Nhà nước quy định trẻ em và học sinh bắt buộc có bảo hiểm y tế theo quy định, hoặc trẻ em dân tộc thiểu số có chính sách ưu tiên trong bảo hiểm y tế, nhưng ý thức người dân trong vấn đề này còn chưa cao.

Về giáo dục, theo Báo cáo của UBND xã Ia Glai, trường học các cấp (mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia với tỷ lệ 70%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở hàng năm luôn đạt 100%; số học sinh học tiếp cấp trung học phổ thông cũng với tỷ lệ 100%; đến nay số lượng thanh thiếu niên có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở đạt tỷ lệ 87,15%. Các thành tựu này là kết quả của chính sách xây dựng và phát triển cơ sở học tập. Từ năm 2014 đến nay, huyện Chư Sê và xã Ia Glai đã cùng phối hợp để xây dựng 06 phòng học mẫu giáo và 04 phòng học tiểu học; cơ quan quản lý nhà nước còn xây dựng mới 07 khu vệ sinh và dành khoảng 40 triệu đồng/năm/một trường học để trang bị cơ sở vật chất cho các trường học (UBND xã Ia Glai, 2015). Song, báo cáo của địa phương cũng chưa nêu được chất lượng học và nhận thức về việc học của các đối tượng thuộc hộ nghèo và các nhóm hộ có kinh tế khá giả, mặc dù cơ sở vật chất của địa phương là cho toàn dân. Tại làng Pang và cả xã Ia Glai, dù trẻ em trong độ tuổi đi học đảm bảo khá tốt các thành tích như đã nêu ở trên,

nhưng điều kiện học tập (trường học, trang thiết bị học tập) dường như chưa đáp ứng và chưa tạo được môi trường tốt nhất nếu so với các trường học ở khu vực đô thị như thị trấn Chư Sê hay trung tâm tỉnh Gia Lai. Tỷ lệ người chưa đi học, chưa biết đọc, biết viết vẫn còn khá cao tại làng Pang (24,57%). Tỷ lệ người chỉ học đến tiểu học chiếm trên 40%. Điều đó cho thấy, môi trường gia đình (thông qua cha mẹ, người lớn tuổi) chưa hài hòa với môi trường xã hội (thông qua chính sách, động lực từ Nhà nước khuyến khích học tập); và chưa có sự công bằng trong chính sách nhà nước, điều kiện học tập giữa các vùng trong tỉnh Gia Lai.

Đối với nhà ở, hiện nay trên địa bàn xã không còn hộ gia đình ở nhà tạm bợ, diện tích bình quân đầu người của mỗi hộ cao hơn quy định của Nhà nước về chuẩn nghèo đa chiều ( $8m^2$ ). Song, trên thực tế không phải người dân nào cũng đều ý thức về diện tích nhà ở của gia đình mình. Đối với người Gia-rai, vấn đề không chỉ là bình quân đầu người là trên hay dưới  $8m^2$ , mà không gian bên trong nhà có đủ cho các thành viên về chỗ ăn, ngủ, làm phòng khách hay không? Theo tập quán của đồng bào Gia-rai, con cái có xu hướng tách ra ở riêng ngay sau khi kết hôn và cha mẹ thường ở với con gái út. Hiện nay, nhiều cha mẹ người Gia-rai thường làm nhà riêng cạnh nhà của cô con gái út.

Riêng lĩnh vực an sinh xã hội liên quan đến nghèo đa chiều tại xã Ia Glai, nước sạch là vấn đề quan trọng nhất hiện nay đối với người dân. Từ nhiều năm nay, do ảnh hưởng của sự biến đổi khí hậu và hạn hán nên tình trạng thiếu nước sạch đã gây khó khăn hơn cho đời sống của người dân. Từ đợt khảo sát thực địa vào mùa hè năm 2016 đến nay, chúng tôi nhận thấy nguồn cung cấp nước tự nhiên cho cả làng tại con suối làng Pang đã cạn kiệt. Để khắc phục tình trạng đó, người dân bắt đầu chuyển sang khoan giếng, đào giếng,... Một người dân cho biết rằng, để có nước sạch cho sinh hoạt của gia đình và tưới tiêu thì phải đào sâu hơn 20m so với trước đây chỉ đào tầm 10 - 15m.

### **Một vài nhận xét**

Vấn đề nghèo của người Gia-rai ở xã Ia Glai hiện nay so với trước đây đã xuất hiện khoảng cách rộng hơn. Do vậy, bên cạnh dựa trên vấn đề thu nhập là chính thì một số các tiêu chí như nhà ở và tiếp cận các dịch vụ khác (y tế, giáo dục, điều kiện an sinh xã hội) cũng giúp cho việc nhận diện thực trạng nghèo ở dân tộc Gia-rai một cách đầy đủ hơn.

Giữa tư liệu khảo sát dân tộc học và báo cáo từ các cơ quan quản lý nhà nước về vấn đề nghèo đa chiều là có khoảng cách. Những chỉ tiêu đo lường nghèo đa chiều theo chuẩn quốc gia tại các cộng đồng dân tộc thiểu số (đối tượng chiếm tỷ lệ cao trong cả nước) chưa phản ánh đúng thực chất thực trạng nghèo của người dân.

Những chính sách liên quan đến nghèo còn chồng chéo mà địa phương chưa thể phân biệt rõ. Việc lồng ghép các chính sách về việc làm, đất đai, tín dụng và ngay cả những chính sách lớn như Chương trình 135, Chương trình xây dựng Nông thôn mới... đều liên quan đến mục tiêu giảm nghèo là một thực tế làm giảm hiệu quả đầu tư cho giảm nghèo bền vững.

Từ chính sách đến thực tế thì việc đo lường nghèo đa chiều khó hơn so với đo lường chuẩn nghèo trước đây vì có nhiều tiêu chí và chỉ tiêu định tính. Các vấn đề liên quan đến an sinh xã hội có tính biến động, thậm chí thu nhập cũng biến động theo thời gian. Ngoài những yếu tố như chính sách, con người, thì môi trường tự nhiên dần trở thành biến số đóng vai trò quan trọng ảnh hưởng đến vấn đề thu nhập của người dân nơi đây.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Đặng Nguyên Anh (2018), “Nghèo đa chiều ở Việt Nam: Một số vấn đề chính sách và thực tiễn”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ An online*, trên trang <http://www.vanhoanghean.com.vn/>, truy cập ngày 25/8/2018.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chư Sê (2011), *Lịch sử Đảng bộ huyện Chư Sê*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai (2015), *Báo cáo các chính sách dân tộc giai đoạn 2011 - 2015*, Gia Lai.
4. Ban Tuyên giáo tỉnh Gia Lai (2018), *Báo cáo Kết quả điều tra dư luận xã hội về công tác giảm nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh*.
5. Chi cục Thống kê huyện Chư Sê (1982 - 2018), *Niên giám thống kê huyện Chư Sê từ 1982 - 2018*, Chư Sê, Gia Lai.
6. Bùi Minh Đạo (Chủ biên, 2005), *Thực trạng đói nghèo và một số giải pháp xóa đói giảm nghèo đối với các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (2018), *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2017 và triển khai kế hoạch năm 2018*.
8. Ủy ban nhân dân xã Ia Glai (2018), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018*.
9. Ủy ban nhân dân xã Ia Glai (2016), *Bảng tổng hợp số khẩu thuộc hộ nghèo, cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020*.
10. Ủy ban nhân dân xã Ia Glai (2015), *Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới năm 2015 của xã Ia Glai, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai*.